TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phượng.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lữ Chí T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 10/7/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày: Chị và Lữ Chí T tự nguyện kết hôn vào tháng 4/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cải. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lữ Chí Đ, sinh ngày 17/9/2019 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang nuôi con nhỏ và điều kiện ở xa nên chị xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Tại bản tự khai ngày 08/7/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 08/7/2020 bị đơn anh Lữ Chí T trình bày: Năm 2018 anh và chị G kết hôn và có đăng ký kết hôn. Nay chị G yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung đồng ý giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Về tài sản chung và nợ chung là không có. Nay anh xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị G và anh T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu G vào ngày 13/12/2019 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị G xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn. Yêu cầu ly hôn của chị G được anh T đồng ý. Từ đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa chị G và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lữ Chí Đ, sinh ngày 17/9/2019 hiện do chị G nuôi dưỡng. Con chung của anh chị chưa đủ 36 tháng tuổi và sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị G không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 81; khoản 1, 2

Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G. Cho chị Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Lữ Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Lữ Chí Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị G không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị G phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007070 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên